

VỀ HOÀ BÌNH VÀ HỮU NGHỊ GIỮA CÁC DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

GS, TS, NGND PHAN NGỌC LIÊN

Vấn đề chiến tranh và hoà bình hiện nay là một trong những vấn đề toàn cầu cấp thiết được đặt ra phải giải quyết để giữ vững và phát triển cuộc sống hạnh phúc bền vững của loài người trong hội nhập quốc tế. Bởi vì, những thế lực phản động luôn tìm cách thực hiện mộng ước “bá chủ toàn cầu” của mình đối các dân tộc khác, gây mất ổn định trên thế giới. Trong tình hình như vậy, cần tìm hiểu tư tưởng hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc của Hồ Chí Minh, được hình thành trên cơ sở truyền thống của dân tộc, tinh hoa di sản nhân loại và hoạt động sáng tạo của bản thân Người.

Tư tưởng hoà bình, hữu nghị giữa các dân tộc là một bộ phận của tư tưởng Hồ Chí Minh, hình thành và phát triển trong quá trình hoạt động của Người cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, khi công nhận Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam”, “Một nhà văn hóa lớn”, trong một mức độ nhất định, Nghị quyết của UNESCO về “Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh” (1890 -1990) đã nêu rõ, Hồ Chí Minh đã “góp phần vào cuộc đấu tranh của các dân tộc vì hoà bình, vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”, và “những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”.

1. Hoà bình gắn với độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội

Quán triệt nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lênin về tính chất chính nghĩa và phi nghĩa của cuộc chiến tranh đối với mỗi bên tham chiến, kế thừa truyền thống của dân tộc “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân” trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giải phóng dân tộc và thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng đang tiến hành. Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa đấu tranh cho độc lập, tự do với việc đạt được một nền hoà bình chân chính, thực sự.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh muốn có hoà bình thì phải ngăn chặn, chấm dứt chiến tranh xâm lược. Muốn ngăn chặn và kết thúc chiến tranh, trước hết là phải chặn bàn tay của những kẻ gây ra chiến tranh, phải chỉ rõ nguồn gốc, phải vạch mặt kẻ gây ra chiến

tranh và đánh bại thế và lực của chúng. Không xác định rõ điều này thì khó tiêu diệt tận gốc chiến tranh đế quốc, chiến tranh xâm lược. Qua thực tế của hai cuộc chiến tranh thế giới (1914 - 1918; 1939 - 1945) và cuộc chiến tranh cho độc lập dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc. Người đã rút ra kết luận: “đế quốc chủ nghĩa là nguồn gốc chiến tranh”¹. Quan điểm này hoàn toàn phù hợp với hiện thực lịch sử trước đây và cả ngày nay. Từ cuối thế kỷ XIX cho đến nay, chủ nghĩa đế quốc, bọn quân phiệt đã gây chiến tranh lớn, nhỏ ở nhiều nơi và luôn là nguyên nhân của mọi sự căng thẳng ở từng khu vực cũng như trong phạm vi thế giới. Đến nay, các thế lực đế quốc phản động, hiếu chiến vẫn âm mưu gây bạo loạn, lật đổ, tiến hành chiến tranh núp dưới danh nghĩa “tốt đẹp”: “bảo vệ dân chủ, nhân quyền”, “chống khủng bố quốc tế”... Cho nên Hồ Chí Minh chỉ rõ, để có sự hoà dịu, để chấm dứt chiến tranh và “giữ gìn hoà bình một cách thiết thực” thì không có con đường nào khác là “phải ra sức chống đế quốc chủ nghĩa”². Tư tưởng này được thể hiện trong thư của Người gửi “Hội nghị hoà bình ở Việt Nam, vì độc lập, tự do của dân tộc và nhân dân thế giới” (17-11-1950).

Phản đối mọi cuộc chiến tranh do bọn đế quốc gây ra dưới bất kỳ hình thức nào, đặc biệt là chiến tranh hạt nhân huỷ diệt, Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân thế giới “bảo vệ hoà bình tức là chống chiến tranh”³. Vì vậy, cần phải kiên quyết đấu tranh chống việc chế tạo, thử bom nguyên tử và bom khinh khí, kiên quyết đấu

tranh đòi giải trừ quân bị toàn bộ và triệt để, không để cho những tội ác kinh khủng ở Hirôshima và Nagasaki còn diễn lại.

Quan điểm của Hồ Chí Minh hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cả loài người tiến bộ: chiến đấu cho độc lập dân tộc, phản đối chiến tranh và mong muốn được sống trong hoà bình. Trong “*Thư gửi những người Pháp ở Đông Dương*” (10-1945), Hồ Chí Minh lên án việc thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam và đòi “một nền hoà bình chân chính, xây trên công bình và lý tưởng dân chủ phải thay cho chiến tranh”, đòi “tự do, bình đẳng, bác ái phải thực hiện trên khắp các nước không phân biệt chủng tộc, màu da... Và nhân dân Việt Nam bao giờ cũng ứng xử như vậy, vì “là một dân tộc ưa hoà bình, trọng quyền lợi và tự do của người khác”⁴.

Nguyên tắc cơ bản để xây dựng một nền hoà bình chân chính, theo quan niệm của Hồ Chí Minh, là *đấu tranh giành độc lập dân tộc không thể tách rời khỏi cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới*. Người nhấn mạnh rằng không thể có nền hoà bình vững bền cho dân tộc khi thế giới vẫn còn những cuộc xung đột, còn tình hình căng thẳng “bên miệng hố chiến tranh”, và cuộc chiến tranh xâm lược của bọn thực dân, đế quốc vẫn tiếp diễn, tạo ra nguy cơ làm bùng nổ một cuộc chiến tranh khác giữa các đế quốc hay chiến tranh thế giới mới, tàn khốc, khủng khiếp hơn. Trong *Thư gửi các bạn nam nữ Pháp đấu tranh cho hoà bình* (1950), Hồ Chí Minh phân tích: “Cuộc chiến tranh trên nước chúng tôi sửa soạn cho một cuộc chiến tranh đế quốc khác”⁵. Với quan

điểm như vậy, Hồ Chí Minh khẳng định, nhân dân Việt Nam chiến đấu hy sinh chẳng những vì tự do, độc lập của riêng mình, mà còn vì tự do, độc lập chung của các dân tộc và hoà bình thế giới. Người cũng nhiều lần nêu rõ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân ta chiến đấu không mệt mỏi không chỉ để giành thống nhất, độc lập hoàn toàn cho dân tộc mà còn góp phần vào việc bảo vệ hoà bình thế giới.

Chống chiến tranh đế quốc, Hồ Chí Minh luôn ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân các nước. Đặc biệt đối với các nước láng giềng Đông Nam Á, Người đã hết lòng ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của các dân tộc trong khu vực này chống sự xâm lược và nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân...

Quan điểm của Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh đế quốc thể hiện ở lòng tin rằng hoà bình sẽ có được nếu nhân dân thế giới không chịu để bọn gây chiến lừa phỉnh mà tự nhận lấy trách nhiệm bảo vệ hoà bình thế giới. Hoà bình - theo Hồ Chí Minh - nằm trong tay của các dân tộc. Sau khi đã giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh cho độc lập, các lực lượng tiên phong trong mỗi dân tộc phải gánh chịu trách nhiệm ngăn cản chiến tranh, bảo vệ hoà bình, ủng hộ cuộc đấu tranh cho độc lập, tự do hoà bình thực sự, chân chính của các dân tộc khác.

Thực tiễn chỉ rõ, “hoà bình” do bọn thực dân, đế quốc ban phát với “lòng nhân ái”, là “sự thiện chí” chỉ là “hoà bình giả hiệu”, sự thay đổi về hình thức thống trị khi mà hình

thức thống trị cũ không thể duy trì, tồn tại được nữa. Tuyên bố của Liên hợp quốc về “phi thực dân hoá”, về “trao trả độc lập cho nhân dân các nước thuộc địa châu Phi” (những năm 60 của thế kỷ XX), chủ yếu là do bọn đế quốc, thực dân không thể cưỡng lại xu thế đấu tranh giành độc lập mạnh mẽ của nhân dân thế giới mà cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ của nhân dân Việt Nam có tác động, ảnh hưởng nhất định. Hình thức, mức độ độc lập, hoà bình mà các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc giành được sau Chiến tranh thế giới thứ hai tuy thuộc rất nhiều vào sức mạnh, con đường và sự lãnh đạo cuộc đấu tranh của mỗi nước. Có nước giành được hoà bình thực sự thông qua cuộc kháng chiến thắng lợi hay phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ của nhân dân. Có nước “nhận” được nền độc lập do các nước thực dân, đế quốc trao trả một cách “hoà bình”, nhưng lại sớm rơi vào sự lệ thuộc nhiều mặt: chính trị, kinh tế, đối ngoại. Có nước giành được độc lập, hoà bình song bị chìm đắm trong một cuộc nội chiến, huynh đệ tương tàn, kéo dài, gây bao nhiêu chết chóc, nghèo đói cho nhân dân, hoặc bị chia cắt thành các quốc gia thù địch nhau.

Nếu không cảnh giác với âm mưu của các thế lực phản động quốc tế và tay sai của chúng trong nước thì “chiến lược diễn biến hoà bình”, những luận điệu về “nhân quyền cao hơn chủ quyền”, sự hội nhập quốc tế vô nguyên tắc... lại dẫn các nước đã giành độc lập vào con đường chiến tranh mới - một cuộc “chiến tranh không có tiếng súng” với chủ nghĩa đế quốc đã thay hình đổi dạng. Hình thức chiến tranh theo chiến lược “diễn biến

hoà bình”, chiến dịch tuyên truyền về “thế giới tự do”, về “dân chủ”, “nhân quyền”, về “thiên đường của chủ nghĩa tư bản vĩnh cửu”, về “ngày tàn của chủ nghĩa cộng sản”, tiêu diệt “chế độ độc tài của các nước xã hội chủ nghĩa”... là một cuộc xâm lược không có tiếng súng. Nó không kém phần nguy hiểm, làm cho các dân tộc vừa thoát khỏi “đêm trường thuộc địa”, còn non yếu, kém phát triển về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, chưa có kinh nghiệm hợp tác và đấu tranh trong hội nhập quốc tế theo xu thế toàn cầu hoá, lại rơi vào sự lệ thuộc toàn diện các nước lớn đang ôm mộng “bá chủ thế giới”.

Vì vậy, trong cuộc đấu tranh và gìn giữ một nền hoà bình thực sự, chân chính, chúng ta luôn ghi nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về một nguyên tắc bất di bất dịch là phải có “hoà bình thực sự, hoà bình trong độc lập tự do, chứ không phải là thứ hoà bình giả hiệu”. Đó là hoà bình của một nước đã giành độc lập tự do. Việc thương lượng để giải quyết hoà bình các cuộc xung đột vũ trang, phải tiến hành theo “nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi” khi “dùng lối nói chuyện thì phải nhân nhượng nhau đúng mức”.

Do đó, cuộc đấu tranh cho một nền hoà bình thực sự, gắn với độc lập tự do phải trải qua một quá trình lâu dài, gian khổ, tập hợp, lãnh đạo đông đảo nhân dân trong nước, liên kết với các dân tộc khác để đấu tranh giành thắng lợi.

2. Hoà bình thực sự phải qua đấu tranh

Tư tưởng về hoà bình của Hồ Chí Minh mang tính chiến đấu; hoà bình, độc lập dân tộc có được không phải là sự cầu xin, một

công việc từ thiện, sự ban phát của những kẻ gây ra cuộc chiến tranh phi nghĩa, xâm lược, đô hộ. Cuộc đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc không chỉ dựa vào sức mạnh của một dân tộc, được tổ chức và lãnh đạo đúng đắn, chặt chẽ mà còn phải đoàn kết các dân tộc, nhiều tầng lớp nhân dân thế giới, đấu tranh cho một nền hoà bình vững bền, chân chính.

Chúng ta nhận thấy, tư tưởng của Người gặp gỡ những quan điểm mà Hội nghị hoà bình thế giới ở Henxinki (1975) đã khẳng định và nhất trí thông qua. Đó là:

- Phản đối chiến tranh.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- Quyền tự quyết của mỗi dân tộc.
- Tôn trọng chủ quyền của mỗi dân tộc, không xâm phạm biên giới của nhau.
- Hợp tác bình đẳng, hai bên cùng có lợi.
- Cùng tuân thủ những chuẩn mực có tính chất đạo đức.

Tư tưởng hoà bình của Hồ Chí Minh không chỉ đáp ứng nguyện vọng của nhân Việt Nam, tập hợp xung quanh ngọn cờ của Đảng mà còn là một nguyên tắc nhất quán, thường trực trong ứng xử quốc tế của Đảng và Nhà nước ta cũng như nhiều dân tộc yêu hoà bình trên thế giới. Đây là một nguyên nhân cơ bản để nhân dân Việt Nam kháng chiến lâu dài, gian khổ, tất thắng, làm cho nhân dân thế giới hết lòng ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ, cứu nước. Nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh cũng luôn ủng hộ, vui mừng khi nhân dân các

dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đấu tranh giành được độc lập và góp phần cùng cố hoà bình thế giới. Năm 1962, trong bài *Chúc mừng nhân dân Angiêri anh em thắng lợi*, Người khẳng định: “Thắng lợi của nhân dân Angiêri cũng là thắng lợi chung của nhân dân Pháp, của các dân tộc mới giành được hoặc đang đấu tranh để giành lại quyền độc lập, tự do, của nhân dân thế giới yêu chuộng hoà bình và của phe xã hội chủ nghĩa”⁶.

Nguyên tắc quan trọng trong tư tưởng hoà bình của Hồ Chí Minh được nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc hoan nghênh, học tập: *hoà bình đạt được không phải bằng cầu xin mà bằng chiến đấu* chống những thế lực hiếu chiến, xâm lược; sẵn sàng thương lượng, dù có nhượng bộ để đạt được mục tiêu đã định. Song nếu kẻ thù ngoan cố, quyết tâm xâm lược thì “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”⁷.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, chiến tranh là khúc quanh buộc phải tiến hành khi các thế lực phản động hiếu chiến rắp tâm gây ra, còn cánh cửa hoà bình vẫn rộng mở, nhịp cầu thương lượng vẫn bắc sẵn để đi tới kết thúc cuộc chiến một cách công bằng, tôn trọng độc lập, chủ quyền các dân tộc. Để đạt được kết quả này, sức mạnh đấu tranh của nhân dân là yếu tố quyết định.

3. Đoàn kết đấu tranh cho hoà bình và tình hữu nghị chiến đấu của các dân tộc

Tư tưởng hoà bình của Hồ Chí Minh luôn gắn chặt với tư tưởng về tình đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc cho mục tiêu chung. Bởi vì chỉ có trong điều kiện hoà bình, trên

nguyên tắc đảm bảo độc lập tự do, bình đẳng của các dân tộc, mới có thể xây dựng được sự hợp tác, tình hữu nghị vững bền.

Điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc là nhấn mạnh đến sự đoàn kết của các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc và ngăn ngừa, phê phán tư tưởng “biệt lập” - hậu quả chính sách “chia để trị” của bọn thực dân đế quốc. Bọn đế quốc, thực dân đảo hố chia rẽ giữa nhân dân “thuộc địa” và “chính quốc”, giữa nhân dân các nước thuộc địa, giữa vô sản các nước, đẩy họ đến chỗ thù địch, chém giết nhau nhằm cùng cố sự thống trị, bóc lột của mình đã gây một “phản tác dụng” đối với chúng. Đó là yêu cầu nhân dân bị áp bức *phải liên kết, hợp tác với nhau trong cuộc sống, trong đấu tranh*. Yêu cầu chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc thực dân thực sự trở nên cấp bách đối với nhân dân tất cả các nước phương Đông để bảo vệ hoà bình và giải phóng dân tộc. Trong thời kỳ này, các cường quốc đã tiến hành bành trướng trên một quy mô rộng lớn hơn bao giờ hết. Riêng ở châu Á vào năm 1900 đã có hơn 56,6% lãnh thổ bị các cường quốc Âu - Mỹ xâm chiếm. Sự thôn tính và áp bức dân tộc đã làm cho mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc với các dân tộc bị nô dịch ngày càng tăng, dẫn đến tiền đề khách quan cho sự bùng nổ cách mạng của các nước phương Đông đã giành được thắng lợi.

Điểm nổi bật trong tư tưởng của Hồ Chí Minh là sự *hợp tác, đoàn kết giữa các dân tộc bị áp bức tạo nên sức mạnh chống đế quốc, thực dân*, giải phóng dân tộc, chống chiến

tranh, bảo vệ hoà bình, tiến bộ xã hội. Điều đáng chú ý là trong tư tưởng của mình, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến việc chủ nghĩa đế quốc thực dân đã dùng chính sách “chia để trị” như một chính sách cơ bản để xâm lược và cai trị các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. “Chia để trị” là một chính sách cai trị cổ điển có từ thời Rôma cổ đại. Nguyên tắc cổ điển này được chủ nghĩa thực dân sử dụng ngày càng rộng rãi trong việc chinh phục và thống trị các nước thuộc địa và phụ thuộc. Khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc, nguyên tắc đó được thực hiện như một biện pháp có hiệu quả để chia rẽ lực lượng của từng dân tộc và của các dân tộc chống lại các nước đế quốc Âu - Mỹ, Nhật Bản.

Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện một điều cốt yếu là *các dân tộc nhỏ yếu, bị áp bức cần phải đoàn kết toàn dân và hơn nữa các dân tộc phải liên hiệp lại* trong đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Để chống chính sách “chia để trị” của đế quốc thực dân, chỉ có đoàn kết, tập hợp lực lượng trong phạm vi quốc gia và quốc tế mới giành được thắng lợi. Đó là yêu cầu của thời đại mà Hồ Chí Minh đã nắm bắt được và phản ánh trung thực. Quan điểm lý luận ấy đã chi phối mọi hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong việc xây dựng các tổ chức quần chúng rộng rãi, các Mặt trận nhân dân thống nhất chống chủ nghĩa đế quốc, chống chiến tranh. Đó là biểu hiện, mà cũng là kết quả của sự hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc, đặc biệt là các dân tộc vốn là thuộc địa, phụ thuộc.

Nguyễn Ái Quốc đã đi qua nhiều nước có chế độ chính trị, xã hội khác nhau, tiếp xúc với nhiều người, đọc nhiều sách cho nên Người cũng tiếp nhận nhiều quan điểm tư tưởng khác nhau. Những điều mà Người lựa chọn, gạn lọc được là những điều đáp ứng được cho *mục đích cứu nước, giúp đỡ nhân dân lao động nghèo khổ, bị áp bức trên thế giới đoàn kết đấu tranh*. Người lại được chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng, nên quan điểm tư tưởng về đoàn kết đấu tranh cho hoà bình, hợp tác hữu nghị của Người vừa phù hợp với yêu cầu thời đại, vừa đáp ứng những nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của cuộc đấu tranh để giải phóng các dân tộc bị áp bức, chống chiến tranh đế quốc.

Việc hoà nhập vào thế giới, việc hợp tác, hữu nghị với các dân tộc trước hết xuất phát từ yêu cầu cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc rất phong phú, ở đây chúng tôi chỉ đề cập một số vấn đề cơ bản nêu trên.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về hoà bình hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc được hình thành là do yêu cầu của thời đại chúng ta, cũng như quá trình phát triển lịch sử lâu dài của dân tộc và thế giới. Vì vậy, nhân tố quan trọng tác động trực tiếp đến tư tưởng về hoà bình hợp tác, hữu nghị của Hồ Chí Minh là *sự nhận thức về tính chất, yêu cầu của thời đại*. Trong rất nhiều bài nói, bài viết, công trình biên soạn của mình, Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở rằng bọn đế quốc, thực dân đã liên kết với nhau để thống trị nhân dân lao động bị

áp bức, nên họ phải đoàn kết chặt chẽ đấu tranh chống lại chúng. Với tư cách là một người dân thuộc địa, một chiến sĩ đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức, cho tiến bộ xã hội, một người cộng sản phấn đấu cho lý tưởng cao đẹp của nhân loại, Hồ Chí Minh luôn luôn kêu gọi và góp phần thực hiện sự hợp tác, liên minh giữa các dân tộc, các tầng lớp xã hội vì những mục tiêu chung, cao cả.

Nghiên cứu các tác phẩm của Hồ Chí Minh, chúng ta nhận thấy rằng, chủ trương hợp tác vững bền, lâu dài của Người không chỉ xuất phát từ *những mục đích chính trị, xã hội của thời đại* - độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội - mà còn vì *sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất thế giới*. Theo Người, sự phát triển như vũ bão của khoa học - kỹ thuật càng đòi hỏi sự hợp tác hoà bình của các dân tộc. Trong điều kiện kháng chiến gian khổ, giữa rừng núi Việt Bắc bị kẻ thù bao vây tứ phía, gần như tách biệt với thế giới văn minh, tiến bộ khoa học, kỹ thuật bên ngoài, tư tưởng này của Hồ Chí Minh rất sáng suốt; nó chứng tỏ tầm nhìn xa trông rộng của Người. Tiếc rằng, trong đường lối chủ trương của một số nước xã hội chủ nghĩa, kể cả Việt Nam, vào những thập kỷ 50 - 60 của thế kỷ XX, đã không chú ý đúng mức đến sự phát triển và tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, nên đã “đóng cửa”, không có sự trao đổi, học tập kinh nghiệm tiên tiến của nước ngoài. Sự say sưa về mặt lý thuyết với tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, việc tách biệt đi đến “đội đầu”

hoàn toàn với các nước có chế độ xã hội khác mà không tiếp xúc, trao đổi dẫn tới là tình trạng tụt hậu một số mặt khoa học, kỹ thuật của các nước xã hội chủ nghĩa so với các nước tư bản chủ nghĩa, các nước vừa giành được độc lập dân tộc. Hậu quả của tình hình này là gây ra sự sút kém về đời sống nhân dân, sự rối loạn về chính trị xã hội - một trong nhiều nguyên nhân dẫn tới sự khủng hoảng trầm trọng của chủ nghĩa xã hội, sự tan vỡ của Liên Xô, sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu. Đây là một bài học, kinh nghiệm cần tìm hiểu sâu sắc, vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của nước ta.

Tóm lại, hoà bình, hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã đưa đến thắng lợi trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, dẫn tới sự hội nhập quốc tế để tiếp nhận có chọn lựa kinh nghiệm tốt nhằm xây dựng phát triển nước ta theo con đường đã được khẳng định. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được vận dụng sáng tạo vào đường lối, chính sách của Đảng ta mà Đại hội lần thứ X (2006) đã khẳng định và đã đi vào cuộc sống.

1, 2, 5. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.6, tr.123, 123, 115

3. *Sđd*, T. 9, tr.218

4, 7. *Sđd*, T.4, tr.66-67, 480

6. *Sđd*, T.10, tr.528.